

# NGƯỜI TRẺ XEM CHÈO

LƯƠNG THỊ HOÀNG THỊ\*  
HÀ LAN CHI\*

**Tóm tắt:** Đến với sân khấu truyền thống, dường như thế hệ trẻ hôm nay đang vấp phải một “rào cản” vô hình, cái mà chúng ta quy vào sự “đứt gãy thế hệ”. Các bạn trẻ không đến xem sân khấu truyền thống, nhưng lại tiếp nhận yếu tố nghệ thuật truyền thống được thể hiện trong tác phẩm đương đại một cách thật hào hứng. Vậy vấn đề đặt ra là, họ có quay lưng với nghệ thuật truyền thống không? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu điều này thông qua một góc nhìn của người trẻ. Hà Lan Chi đã có một cuộc chuyển biến, thay đổi trong hành trình tìm về với sân khấu chèo truyền thống với sự hỗ trợ từ mã gen gia đình và một số nghệ sỹ, nhà nghiên cứu...

**Từ khóa:** Chèo, người trẻ, truyền thống, văn hóa, nguồn cội.

**Abstract:** In approaching the traditional theater, the younger generation of today seems to face an invisible barrier, the so-called "generational gap". The young people don't go to the theater, yet they receive elements of traditional arts as presented in modern works with enthusiasm. The question is, do they really turn their backs on traditional art? Let's take a look at this issue through the point of view of one such young person, who has gone through a journey to rediscover the traditional Cheo with the help of her family and other artists and experts.

**Keywords:** Cheo, the young generation, tradition, culture, roots



## Tâm thức chèo

Từ khi còn nhỏ, trong thâm tâm, tôi đã luôn gắn liền hình ảnh của người bà đang cúi húi trong bếp với những câu hát bà ngâm nga một cách lơ đãng khi tay đang mài nấu ăn, những câu hát tôi đã vô thức quen thuộc nhưng chưa bao giờ bận tâm để hỏi thêm. Tôi đã luôn ý thức được rằng tôi được sinh ra trong một dòng họ những nghệ sỹ biểu diễn các môn nghệ thuật truyền thống Việt Nam như cải lương, và đặc biệt là chèo. Tôi biết rằng kị của tôi là bà Trịnh Thị Lan, thường được gọi là Cả Tam, là một trong những nghệ nhân có công khôi phục vốn chèo cổ đồng thời có đóng góp lớn cho việc hiện đại hoá chèo trong thế kỷ 20, Bà ngoại tôi là NSDN., ông ngoại tôi

là NSUT., được ghi nhận bởi sự đóng góp với nghệ thuật chèo, mặc dù thế hệ mẹ tôi quyết định không theo nghệ thuật do có những nỗi khổ khó của thời đó, nhưng bà vẫn lớn lên bên cạnh với những làn điệu truyền thống. Tuy nhiên, đáng buồn thay, điều tương tự đã không xảy ra với tôi. Việc lớn lên trong bối cảnh thế giới ngày càng toàn cầu hoá đồng nghĩa với việc từ nhỏ, tôi đã có thể truy cập vào internet, vào các trang mạng xã hội, tiếp cận với những thứ đã cuối cùng đưa tôi đến với những dòng nhạc ngoại sôi động, những lời hát hiện đại, những ca sỹ ăn mặc rực rỡ, trên một sân khấu hoành tráng. Điều đó, cộng với sự thiếu sót trong việc cố gắng đưa âm nhạc

truyền thống vào tuổi thơ của tôi từ phía bố mẹ, đã khiến tôi chưa bao giờ thực sự hình thành sự quan tâm với những với những chiếc hát nhỏ trước cửa đình, những lời ca giản dị được viết nên bởi người nông dân, những tạo hình ngộ nghĩnh của các nhân vật được phóng đại - những thứ đã từng hơi thở của nhiều thế hệ gia đình tôi.

### Hơi thở chèo

Cơ sở để hình thành nên bộ môn nghệ thuật sân khấu chèo đơn giản và thực tế, đến từ nhu cầu của người dân, phần nào phản ánh bối cảnh mà nó được ra đời vào thế kỷ XVIII. Đầu tiên, chèo nắm bắt được một trong những ham muốn nguyên thủy nhất của con người, sự say mê cái đẹp. Cái đẹp ở đây không chỉ nằm ở những lớp trang điểm của người nghệ sĩ, hay những phụ kiện sắc màu được họ cầm theo; nghệ thuật chèo giúp nhân dân nhìn thấy cái đẹp trong một cuộc sống tưởng chừng như chỉ toàn khổ đau và áp bức dưới chính quyền phong kiến. Những vở chèo giúp những người nông dân giữ vững những niềm tin cao đẹp như cái Thiện sẽ chiến thắng cái Ác, hay sự thật cuối cùng rồi sẽ được tôn vinh, cho họ hi vọng để giữ được sự lương thiện bên trong, tiếp tục chịu đựng cuộc sống dưới chính quyền thời bấy giờ. Thứ hai, chèo, cũng như các loại hình nghệ thuật sân khấu khác, thoả mãn nhu cầu được hoá thân của người nông dân thời bấy giờ. Xuyên suốt lịch sử nhân loại, con người tại bất cứ thời điểm nào cũng có mong muốn được trở thành một kẻ khác, sống một cuộc đời tách biệt với hiện thực của họ, ngay cả tại thời điểm hiện tại. Thế nhưng, là một người nông dân nghèo, sống trong thế kỷ XVIII hoặc thế kỷ XIX, dưới ách áp bức của chính quyền phong kiến, nhu cầu đó lớn hơn bao giờ hết. Chèo cho người dân nhập vai thành một người vật khác, viết những lời họ có thể không bao giờ nói ngoài đời thật, hoá thân vào một mảnh đời khác. Chèo, đối với người nông dân thời bấy giờ, là được tạm thời giải thoát khỏi những gánh nặng cơm áo gạo tiền, sưu thuế, những lo lắng về gia đình và cuộc sống, và chỉ tập chung vào vai diễn. Cơ sở tạo thành cuối cùng của chèo chính là cái chất dân tộc. Một dân tộc không được định nghĩa bởi chính quyền của nó, mà bởi nhân dân, những người thực sự nắm giữ nền văn hoá trong tay họ.

Tôi không đến với chèo bằng giọng hát như bà, cũng không lớn lên cùng sự thấm nhuần những làn điệu quen thuộc như mẹ. Tuy nhiên, tôi hi vọng chèo, với những giá trị vượt thời gian, sẽ trở thành cầu nối gắn kết tôi với thế hệ đi trước trong gia đình. Qua việc tìm hiểu các câu hát cổ, tôi mong có thể phần nào cảm nhận được cuộc sống, những gian truân và thử thách mà ông bà, cụ kị đã từng trải qua. Bên cạnh đó, tôi muốn biến sự tiếp xúc rộng rãi của mình với văn hoá đại chúng trong và ngoài nước thành lợi thế, thay vì nhìn nhận nó như một điểm bất lợi. Tôi hy vọng có thể mang hơi thở hiện đại vào cách diễn giải các vở chèo cổ, đồng thời góp phần thay đổi góc nhìn của giới trẻ về sân khấu truyền thống - tương tự như cách chính tôi đã thay đổi nhận thức từ ban đầu.

### Ấn tượng chèo

Rùng mình! Thực sự rùng mình! Đó là cách duy nhất tôi có thể diễn tả cảm xúc của mình khi tiếng cười đầy ám ảnh của NSND Thuý Ngân trong vai Sứ Vân vang lên cách tôi một màn hình. Tôi hiểu rằng, đây không chỉ là thanh âm của một kẻ mất trí, mà còn là tiếng hét thất thanh của nỗi đau, của một người đã ôm nhiều ai oán với đời trong lòng, của một người phụ nữ đã chán ngấy một cuộc sống bất công. Xuyên suốt những phút sau đó, khi dõi theo từng ánh mắt, biểu cảm của nhân vật qua những điệu múa và câu hát, tôi chợt hiểu vì sao *Sứ Vân giả dại* được coi là một trong những phân đoạn xuất sắc nhất nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam nói chung và sân khấu chèo nói riêng, đồng thời là một bi kịch có sức ám ảnh vượt thời gian. Dù đã trải qua hàng thế kỷ, phân đoạn này vẫn có thể khiến người xem phải day dứt khi nhớ lại câu chuyện về một nàng Sứ Vân bất hạnh với số phận trớ trêu.

Mở đầu phân đoạn, Sứ Vân cất tiếng hát trong nỗi đau đớn đến xé lòng:

*Đau thiết, thiết oan/Than cùng bà Nguyệt*

Nàng ngửa mặt lên trời, than cho số phận ai oán thật bất công, oan nghiệt, đã không cho phép nàng có được một tình yêu hoàn chỉnh, đẩy nàng vào vòng bất hạnh. Qua những câu hát của điệu *Con gà rừng*, một ví dụ của thủ pháp hát xuôi hát ngược, với điệu hát có vẻ vui tươi,

lú lo, nhưng càng nghe, ta càng nhận ra nỗi cay đắng ẩn sâu trong từng lời ca, nàng Suý Vân bộc bạch về ước mơ về một hạnh phúc giản dị:

*Chờ cho bông lúa chín vàng/Để anh đi gặt, để nàng mang cơm.*

Đây chỉ là một cảnh tượng rất đời bình thường đối với bao người: một cuộc sống vợ chồng giản đơn, nơi chồng đi làm đồng còn người vợ tần tảo mang cơm. Thế nhưng chính sự bình dị ấy là lý do vì sao phân cảnh này lại hiện lên một cách xót xa đến tột cùng, vì với Suý Vân, đây lại là bi kịch của cuộc đời nàng, mãi một ước mơ đẹp mà nàng sẽ chẳng bao giờ chạm tới. Trong cơn tuyệt vọng, nàng cất tiếng “bớ đồ”, mong tìm thấy con đồ hạnh phúc sẽ đưa nàng đến bến bờ của thứ tình yêu mà nàng luôn mòn mỏi chờ đợi, nơi nàng có thể thoát khỏi kiếp sống lẻ loi. Thế nhưng rồi đồ cũng bật vô âm tín, *càng chờ, càng đợi, càng trua chuyển đồ*, như cách cứ cố gắng tìm kiếm tình yêu hạnh phúc, điều đó lại mỗi lúc một trượt khỏi tầm tay, mãi mãi không để Suý Vân chạm tới. Hình ảnh Suý Vân đơn độc, điên cuồng gọi đồ, như gọi về một giấc mơ nàng biết sẽ không bao giờ trở thành sự thật, khắc họa lên bi kịch của một người phụ nữ thiếu thốn tình yêu, bị bỏ rơi một cách vô vọng trong sự chờ đợi và chính khát vọng yêu thương của mình. Nhưng đây không chỉ là nỗi đau của riêng một cá nhân, đây còn là sự xót xa của người nghệ sĩ dành cho bao kiếp số phận phụ nữ trong xã hội phong kiến, những người luôn mong ngóng một tình yêu không tồn tại, những người mãi mãi nuối tiếc một cuộc đời họ chưa từng được sống.

Nửa sau của phân đoạn *Suý Vân giả dại*, khi dần lấy lại phần nào sự tỉnh táo, Suý Vân cất lên làn điệu *Con nhện giăng mùng*, một làn điệu chèo nổi bật khác, đối lập mạnh mẽ với sự bay bổng trong những câu hát của làn *Con gà rừng*. Nếu như *Con gà rừng* là khúc hát xuôi hát ngược tươi tắn về ước mơ, những khát vọng về tình yêu và hạnh phúc, thì *Con nhện giăng mùng* như kéo nàng Suý Vân về hiện thực nghiệt ngã, nơi sự cô đơn và những bế tắc bủa vây lấy nàng.

*Ai đem người ngọc, thung thăng tháng ngày/Chàng về cởi áo lại đây/Cái áo thiếp mặc, gói mây thiếp chờ.*

Những câu hát cất lên như tiếng lòng buồn

tủi của một người phụ nữ bị bỏ rơi, sống vô vọng qua ngày trong sự chờ đợi mòn mỏi. Cùng lúc đó, Suý Vân cũng thực hiện những động tác quen thuộc tượng trưng cho công việc hàng ngày của những người phụ nữ phong kiến: bắt nhện, xe tơ rồi dệt thành vải. Nàng cũng muốn giống như bao người vợ khác, được vun vén hạnh phúc, bên chồng chăm lo cho gia đình. Thế nhưng rồi, dù cố gắng cần mẫn khâu vá lại niềm hạnh phúc của chính mình, cuộn chỉ trong tay nàng vẫn rối tung lên. Hành động mạnh mẽ giật phăng những sợi chỉ ra và một lần nữa cất lên tiếng hét đầy ám ảnh với khán giả như tượng trưng cho lời phản kháng tuyệt vọng của những người phụ nữ thấp cổ bé họng trong xã hội thời bấy giờ: họ đã chán ngán việc phải nhẫn nhịn, sống một cách cam chịu một cuộc đời tù túng, một cuộc đời nơi hạnh phúc của chính bản thân, họ cũng không được phép tự do quyết định. Trên sân khấu, hình ảnh một mạng nhện khổng lồ thường được đặt ở phòng nền, với một con chuồn chuồn bị mắc kẹt ở đó. Hình ảnh con chuồn chuồn nhẹ tênh, vô tư bay lượn trên bầu trời vốn đại diện cho sự tự do, nay lại bị trói buộc, kẹt cứng trong những sợi tơ nhện, tựa như thân phận những người phụ nữ phong kiến, bị trói buộc bởi vô văn định kiến xã hội vô lý, áp bức. Chính điều đó đã biến họ thành những con mồi kẹt lại trong lưới nhện, để xã hội thoải mái xâu xé.

Trang phục mà nhân vật Suý Vân khoác lên sân khấu không chỉ mang yếu tố thẩm mỹ mà còn mang tính biểu tượng sâu sắc. Chiếc áo ngoài màu trắng tinh khôi tượng trưng cho sự trinh bạch và ngây thơ, nét đẹp thuần khiết của người phụ nữ truyền thống cũng như mong muốn giản dị mà nàng vẫn luôn khao khát: được sống trong tình yêu của người mình thương. Quấn quanh vòng eo là một dải thắt lưng màu xanh lá, màu sắc gợi nhớ đến sức sống mơn mớn và tuổi thanh xuân, những tháng ngày đẹp nhất của đời người. Thế nhưng, Suý Vân lại để thanh xuân của mình trôi đi một cách hoang phí, đắm chìm trong cô đơn và tuyệt vọng, để rồi phải chọn cách giả điên cực đoan để kết thúc cuộc đời mình trong bi kịch. Nhìn tổng thể, bộ trang phục của Suý Vân mang đậm nét truyền thống, phản ánh những mơ ước giản dị mà nàng, cùng biết bao người phụ

nữ khác, hằng đêm ao ước: một mái ấm hạnh phúc thực sự. Ngoài trang phục, nàng còn được trang bị phục sức là một bó hoa. Thế nhưng suốt phân đoạn ấy, bó hoa không ngừng bị nàng vò nát, giăng xé, ném xuống đất rồi lại nâng lên. Những hình ảnh này chẳng khác nào thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa: thật xinh đẹp nhưng lại bị quăng quật, nâng lên rồi đặt xuống theo ý muốn của người khác.

Qua bi kịch số phận của Suý Vân, người nghệ sĩ thời xưa đã gửi gắm tiếng nói phản kháng mạnh mẽ đối với xã hội phong kiến đầy rẫy những bất công. Đó là một xã hội áp đặt quá nhiều trách nhiệm và kỳ vọng lên vai người phụ nữ, bắt họ phải làm tròn Tam Tông Tứ Đức, sống theo những chuẩn mực cứng nhắc, trong khi chính xã hội ấy lại chẳng thể đáp ứng nổi những mong cầu hết sức đơn giản của họ. Thế nhưng, nếu không có con người, thì làm sao có thể chế? Nếu không có sự đồng thuận im lặng, sự tiếp tay thờ ơ của cả cộng đồng, thì liệu những chuẩn mực bất công như vậy liệu có thể tồn tại lâu đến thế? Chính con người chúng ta là người đã trực tiếp xây dựng nên một xã hội đã từng thối nát, ngột ngạt như vậy. Những người phụ nữ chính là nạn nhân của một xã hội đã bình thường hoá sự bất bình thường, xem việc coi thường thân phận của người phụ nữ là điều đương nhiên. Cũng trong chính xã hội đó, những hành động của người đàn ông thì luôn được dung túng và che chở. Họ vô lý tự cho bản thân quyền được định đoạt số phận của người khác, được sống trong sự bao che trong khi những người phụ nữ như những chú chim sống trong chiếc lồng bị khoá chặt, không thể trở về với bầu trời cao, âm thầm héo mòn theo từng ngày trôi qua. Trong bi kịch của Suý Vân, chúng ta thấy rõ sự tương phản kinh ngạc đến đau đớn đó. Từ sự xót xa ấy, người nghệ sĩ xưa muốn lay tỉnh những tâm hồn đang tự biện minh cho sự bất công đã sớm quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày, hết sức khuyên can người đời nhận ra sự sai lệch trong tư duy và cách hành xử của xã hội, để từ đó gieo hi vọng cho một ngày mai tươi sáng hơn.

Khi xem trích đoạn *Suý Vân giả dại* trên nền tảng Youtube, tôi để ý rằng dưới phần bình luận có rất nhiều học sinh cấp ba để lại những

dòng bình luận (*comment*) như “Ngữ văn lớp 10 đã đưa tôi đến đây” hay “Xem vì SGK. Ngữ văn 10 bảo”. Những bình luận này, dù cho thấy sự thành công của việc đưa nghệ thuật sân khấu chèo vào chương trình học phổ thông như một cách để giới trẻ đến gần hơn với sân khấu truyền thống, nhưng lại phản ánh thực tế rằng phần lớn khán giả trẻ chỉ tìm đến sân khấu chèo vì nghĩa vụ học tập trên trường, không phải những giá trị sâu sắc mà tác phẩm mang lại. Gần đây, khi đọc những bài báo hay lướt mạng xã hội, không khó để chúng ta bắt gặp những vụ ồn ào tình cảm trong giới giải trí, khi những người đàn ông nổi tiếng, điển hình là ca sĩ Jack (J97) hay steamer ViruSs, vướng vào những cáo buộc coi thường tình cảm và thiếu tôn trọng phụ nữ. Những trường hợp này liên tục trở thành những đề tài nóng hổi, được bàn luận một cách sôi nổi. Tuy nhiên, cách phản ứng thường thấy của cộng đồng mạng Việt Nam lại chủ yếu là cười cợt, chế những “meme”, hay làm nhạc chế. Mặc dù những điều này có mang tính mỉa mai, nhưng những hành vi đáng lẽ cần bị lên án nghiêm túc vẫn tiếp tục diễn ra vì chúng bị biến thành trò giải trí nhất thời. Thế nhưng, thay vì lên án bằng sự châm biếm hài hước, những người nghệ sĩ truyền thống đã chọn cách đưa những câu chuyện này lên sân khấu, biến chúng thành một lời kêu gọi đối với xã hội. Chúng ta có được những bước tiến xã hội vượt bậc như ngày hôm nay, một xã hội nơi nhiều định kiến phong kiến đã bị phá bỏ, nhờ tinh thần phản kháng mạnh mẽ ấy. Thế nhưng trách nhiệm giữ gìn và tiếp tục đấu tranh vì sự bình đẳng không thể chỉ dừng lại ở quá khứ. Chúng ta, trên cương vị là những người đi sau, cần tiếp nối sự phản kháng đó một cách nghiêm túc vì, dù đã bước sang thế kỷ 21, vẫn còn quá nhiều người phụ nữ thời hiện đại đang mắc kẹt trong một cuộc đời giống Suý Vân: mãi không thể thoát ra khỏi những định kiến xã hội, âm thầm chịu đựng. Nếu chúng ta không nhìn thẳng vào điều đó và đối mặt với những vấn đề hiện tại với một thái độ nghiêm túc, sẽ chẳng có thay đổi nào thực sự diễn ra cả.

*Nhớ lời Thầy dạy:*

*Cứu nhất nhân đắc kỳ vạn phúc*

*Cứu một người phúc đẳng hà sa*

*Mặc thế gian miệng tiếng cười chê  
Chứng chiếu có quỷ thần soi xét.*

Đây chính là lời nhắc nhở thương xót của Sư Cụ dành cho Kính Tâm, tức Thị Kính giả trai đang trong dáng vẻ của một người tu hành, khi nàng bị đổ oan và phải chịu đựng sự phi báng, những lời ra tiếng vào của thế gian. Những câu hát ấy không chỉ mang đậm tư tưởng từ, bi, hi, xả, của đạo Phật, mà còn thể hiện rõ phẩm chất cao đẹp nơi Thị Kính: sẵn sàng tha thứ, nhẫn nhịn, và hy sinh, ngay cả khi bản thân liên tục bị một xã hội thói nát lạnh lùng chà đạp. Đó cũng chỉ là một trong vô vàn những câu ca kể về cuộc đời đầy xót xa của nhân vật Thị Kính trong vở *Quan âm Thị Kính*, vở diễn được nhiều người công nhận là có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất trong số những vở chèo cổ của sân khấu nghệ thuật truyền thống chèo Việt Nam. Cho đến nay, vở diễn vẫn tiếp tục chạm đến trái tim hàng nghìn khán giả khắp cả nước lẫn quốc tế, và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào chương trình Ngữ văn phổ thông như một minh chứng cho giá trị nhân văn và nghệ thuật của chèo nói chung và vở *Quan âm Thị Kính* nói riêng. Qua cuộc đời của Thị Kính, khán giả sẽ không chỉ chứng kiến bi kịch của một người phụ nữ dưới chế độ phong kiến thời xưa, mà còn cảm nhận được sự thiêng liêng của lòng vị tha và cách mà niềm tin hướng thiện trở thành ánh sáng soi chiếu trong trái tim mỗi người.

Xuyên suốt màn đầu tiên mang tên *Vu quy*, Thị Kính hiện lên là hình ảnh lý tưởng mà xã hội phong kiến mong đợi ở một người phụ nữ thời bấy giờ: thủy mì, nét na, được dạy dỗ từ tế trong khuôn khổ của tam tòng tứ đức. Mặc dù được sinh ra trong gia đình không mấy khá giả, với người cha già yếu, nàng vẫn toát lên vẻ đoan trang, hiền thực, những phẩm chất quý giá mà xã hội phong kiến lấy làm chuẩn mực. Trong những khoảnh khắc đầu tiên của vở diễn, nàng Thị Kính khoác lên mình trang phục chiếc áo tứ thân truyền thống, với lớp áo sa mang màu nâu trầm bên ngoài cùng, tượng trưng cho sự kín đáo và đứng đắn của một người phụ nữ giữ lễ, biết mình. Dần vào trong, các lớp áo chuyển sang những sắc màu tươi tắn hơn, như màu mỡ gà của áo cánh hay yếm màu đỏ, như một cách thể hiện rằng đằng sau vẻ ngoài điềm

đạm, phía bên trong hình ảnh người phụ nữ chuẩn mực được mài dũa cẩn thận, nàng vẫn là một thiếu nữ bình thường, với một tâm hồn giàu cảm xúc và khao khát sống một cuộc đời tử tế. Không chỉ qua trang phục, từng bước di chuyển của Thị Kính trên sân khấu cũng được người nghệ sĩ tính toán cẩn thận với mong muốn giúp khán giả hiểu rõ hơn về con người nàng. Từ lần đầu tiên đặt chân lên sân khấu, nàng luôn rảo bước theo đường thẳng, không lệch đến một bước chân, như cách nàng đã dành cả cuộc đời sống trọn vẹn theo con đường mà gia đình và lễ giáo phong kiến đã định sẵn. Khi theo ông Mãng, cha nàng, bước ra sân khấu, rồi sau đó rẽ vuông góc để tiến tới Thiện Sĩ, Thị Kính như đang minh họa một cách trực quan cho giáo lý “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu”, khi ở nhà thì phải nghe theo cha, nhưng sau khi đã lấy chồng, người con gái chỉ được phép bước đi trên con đường mà chồng đã chỉ vạch. Hình ảnh ấy là càng được tô đậm hơn qua chiếc quạt giấy mỏng manh luôn nằm trong tay nàng, vật gắn liền với hình ảnh một người phụ nữ Việt Nam đoan trang và truyền thống.

Chiếc quạt được dùng như một cách để nàng và chàng Thiện Sĩ giao tiếp một cách thâm lặng, cũng như một tấm màn che giữa nàng và thế giới, để nàng giữ lấy những cảm xúc thầm kín cho riêng mình. Ngay cả trong khoảnh khắc hạnh phúc nhất, Thị Kính cũng không cười thành tiếng, mà che mặt, giấu nụ cười đằng sau chiếc quạt, muốn giữ niềm vui ấy thật kín đáo, đúng mực. Trong điệu múa se duyên, chiếc quạt lại trở thành biểu tượng của một tình yêu dịu dàng, tinh tế, và kín đáo. Chàng và nàng gửi cho nhau những điều tốt đẹp, lời thề nguyện im lặng, sự thấu hiểu, chăm sóc qua từng cơn gió dịu dàng. Mỗi tình của họ mộc mạc như chính chiếc quạt, một duyên lành mà số phận đã định. Nàng Thị Kính, với tất cả những phẩm chất nét na, đức hạnh ấy, tưởng như sẽ có được một mối tình hoà hợp, một cuộc đời êm đềm, đúng lẽ, đúng đạo theo khuôn mẫu.

Thế nhưng, trở trêu thay, số phận lại không cho phép nàng có một cuộc đời ngay thẳng như chính những dấu chân nàng bước. Biến cố đầu tiên ập tới khi Thị Kính bị nhà chồng gán cho tội danh tà yêu trời, tội mưu sát chồng. Thật trớ

trêu làm sao, hành động cắt một sợi râu mọc ngược trên mặt chồng, với mong muốn giúp chàng trở nên đoan chính, tuấn tú hơn lại trở thành cái cớ để vu oan cho nàng cái tội tày đình ấy. Dù xuất phát từ một tâm ý tốt đẹp, ước muốn mang lại điều thiện cho người mình yêu thương, nhưng số phận bất công lại bắt một người lương thiện như nàng sống một cuộc đời ngang trái. Một trong những nguyên nhân sâu xa khiến Thị Kính dễ dàng bị kết tội đến như vậy chính là sự phân tầng rõ ràng lúc bấy giờ và ý thức thiên kiến giai cấp lộ rõ của Sùng bà. Vì không xuất thân là danh giá, ngay từ đầu, Thị Kính đã không được hoàn toàn chấp nhận, bất chấp nàng có đoan trang, lễ độ, và được dạy dỗ tử tế đến mấy. Lời buộc tội nhanh chóng được quy kết cho Thị Kính, với Sùng bà vui mừng ra mặt khi giờ đã có thể loại bỏ một cách đường đường chính chính người con dâu mà bà cho là không xứng đáng để kết hôn với con trai bà, để bước chân vào cánh cửa một gia đình quyền quý. Điều này phản ánh rõ nét một xã hội phong kiến bất công, nơi mà bất chấp mọi nỗ lực và cố gắng, những người sinh ra mang trong mình cái số nghèo khổ vẫn không bao giờ có thể vượt qua được sự áp bức có hệ thống đã ăn sâu vào gốc rễ của một xã hội thối nát. Nếu trong màn đầu tiên, người nghệ sĩ đã cố gắng vẽ nên một khung cảnh trai gái hoà thuận, một mối nhân duyên gắn bó giữa hai con người trẻ tuổi, thì trong màn tiếp theo, khán giả đã nhìn thấy được những vết nứt thực sự tồn tại phía sau tấm màn hạnh phúc ấy. Thiện Sĩ, đáng lẽ ra là một chính nhân quân tử, lại run rẩy và rũ bỏ người vợ khi biến cố xảy ra. Không có sự thấu hiểu thực sự, không có lòng tin, cuộc hôn nhân chóng vánh giữa hai con người bỗng lộ rõ bản chất rời rạc, yếu ớt, không thể vượt qua những thử thách trong cuộc sống. Đây chính là một lời lên án ngầm sâu sắc đối với xã hội thời bấy giờ, nơi con người ta coi trọng sự sắp đặt và lễ nghi, coi trọng những điều mà người ta nghĩ là tốt, hơn là làm theo những gì thực sự tốt. Và rồi trong suốt thời gian bị mắc nhĩc, xua đuổi, Thị Kính không một lần lên tiếng. Nàng chỉ biết lặng im, tuyệt vọng vươn tay lên, với những giọt nước mắt lăn dài trên mặt, trước một xã hội được cai trị bằng cảm xúc và thành kiến,

nơi công lý không có tiếng nói. Đến ngay giờ phút cuộc đời của nàng sụp đổ, nhân phẩm bị bôi nhọ, chà đạp, Thị Kính vẫn kiên quyết giữ lễ nghĩa, không một lần cố gắng cãi lại, thanh minh cho hành động của bản thân. Chỉ đến khi mọi người đã bỏ đi, chỉ còn nàng một mình ở lại, nàng mới dám để trái tim đã bị dồn đến tận cùng nấc lên từng tiếng oán than đau đớn.

Từ trong tận cùng nỗi đau ấy, sau khi trải qua những oan ức không lời giải bày nàng lựa chọn nương nhờ cửa Phật, không chỉ để tìm sự giải thoát cho chính mình khỏi người chồng nhu nhược, người mẹ chồng cay nghiệt và những định kiến xã hội luôn muốn đẩy nàng vào vai phản diện, mà còn để giải thoát cho người cha già yếu khỏi những lời đàm yếu, dị nghị. Dù rất thương con, nhưng người cha ấy vẫn gồng gánh trên vai danh dự của một người đàn ông cả đời sống theo khuôn phép và rồi cũng phải bất lực trước những ràng buộc của lễ giáo phong kiến cổ hủ. Trải qua biết bao biến cố, Thị Kính nhận ra rằng cuộc sống trần thế chỉ còn lại một bề khổ. Nàng đã nhìn ra những ràng buộc vô hình của chốn nhân gian, nơi con người ràng buộc nhau bằng những luật lệ hà khắc và khuôn mẫu gò bó, nơi họ tự cho bản thân cái quyền được đánh giá nhân phẩm và cuộc sống của người khác bằng cái nhìn phiến diện và định kiến, để rồi càng làm khổ nhau. Nàng Thị Kính ao ước được giải thoát khỏi nơi ấy, thế nhưng, trong xã hội phong kiến, phụ nữ không có quyền được xuất gia, và nàng phải cải trang thành một nam nhân. Hành động này đau lòng ở chỗ, lúc bấy giờ, chỉ người đàn ông được quyền giác ngộ, được quyền tìm kiếm sự bình yên trong tâm, được quyền tự cứu rỗi cho bản thân mình, nhưng chính những người phụ nữ, những người thực sự bị xã hội dồn nén, bức xuống tận cùng của xã hội, chỉ được phép tự nhẫn nhục và được mong đợi sẽ câm lặng mà nín nhịn.

Điểm dừng chân cuối cùng trong hành trình dài đằng đẵng của Thị Kính là khoảng thời gian nàng âm thầm nuôi đứa con nhỏ mà Thị Mầu bỏ rơi, một đứa trẻ không do nàng sinh ra, nhưng lại được số phận gửi gắm cho nàng cơ hội được làm mẹ, làm cha. Thời xưa, xã hội quan niệm rằng cuộc đời người phụ nữ chỉ được xem là trọn vẹn khi đã hoàn thành thiên chức làm mẹ.

Vì vậy nên có lẽ số phận đã muốn ban cho Thị Kính, dưới hình hài chú tiểu Kính Tâm, một cuộc đời trọn vẹn trước khi nàng bước lên đài sen. Suốt ba năm ấy, dưới hình hài một chú tiểu, nàng đã phải len lỏi qua từng ánh mắt soi xét, từng tiếng cười dèm pha từ miệng thế gian để bông bé đưa con nhỏ đi xin sữa hằng ngày. Thế nhưng, Kính Tâm chưa một lần than vãn, hay mở miệng oán giận. Nàng chọn cách lặng im, điềm đạm gánh lấy tất cả những hiểu lầm và lỗi lầm mà không phải do mình gây ra. Đó chính là sự lặng lẽ đến từ lòng từ bi đã vượt qua mọi giới hạn về thể chất và tinh thần của bản thân. Thị Kính đã đạt đến cảnh giới giác tha, khi, từ tận nơi sâu thẳm nhất trong tâm hồn, nàng đã chọn cách tha thứ: tha thứ cho cho tất cả những người đã từng vu oan giá hoạ cho nàng, khiến cuộc sống của nàng sụp đổ, tha thứ cho cái xã hội ác độc, thô nát, đã đẩy nàng vào đường cùng. Nàng chọn yêu thương, che chở.

### Chuyển biến chèo

Là một trong những người trẻ thuộc thế hệ đầu tiên sinh ra và lớn lên trong thời đại công nghệ số phát triển như vũ bão, tôi cũng biết bao người khác, nhanh chóng bị cuốn vào những nền tảng mạng xã hội mới mẻ, những đoạn clip ngắn với nội dung giật gân, cùng những hình ảnh rực rỡ hiện lên trên chiếc màn hình chữ nhật nhỏ bằng bàn tay ở ngay trước mắt. Cùng với đó, internet đã thành công toàn cầu hoá cả trái đất và thu nhỏ cả thế giới vào một chiếc điện thoại, vậy nên, truyền thông phương Tây và âm nhạc đại chúng toàn cầu giờ đây chỉ cách người dùng một cú chạm. Vì thế không lạ gì khi tôi, cùng một bộ phận lớn giới trẻ, những người con sinh ra và lớn lên tại Việt Nam, lại thường chỉ hát theo giai điệu của những bài hát tiếng Anh, theo dõi những ca khúc K-pop, hay nghe những bài nhạc đại chúng nói chung.

Tôi vẫn luôn ý thức rằng việc gìn giữ văn hoá của một đất nước là một điều quan trọng. Trong đó, việc để những loại hình nghệ thuật truyền thống như chèo dần bị lấn át bởi làn sóng văn hoá đại chúng quả thực là một mất mát rất đáng tiếc. Dù biết thế, nhưng tôi chưa bao giờ thực sự vượt qua được sự ái ngại, ái ngại rằng tôi sẽ không hiểu, rằng tôi sẽ không đủ kiên

nhẫn, để chủ động mở YouTube và xem một vở chèo. Trong mắt tôi, chèo, cũng như nhiều bộ môn nghệ thuật sân khấu truyền thống khác, đại diện cho một thế giới xa lạ, một thế giới mà tôi tưởng như không bao giờ có thể bước chân vào, bởi nó đại diện cho một thời đại đã trôi qua rất lâu và dường như không theo kịp nhịp sống hiện đại. Hơn nữa, thành thật để nói, những giai điệu truyền thống trong chèo quá khác biệt so với những giai điệu bắt tai, gây nghiện tức thì của nhạc pop mà tôi, cũng như lớp thanh niên trẻ, đã quen thuộc từ lâu. Thế nhưng, những suy nghĩ mà tôi đã từ lâu mang trong mình đã vỡ vụn vào khoảnh khắc tôi thực sự bắt tay vào để tìm hiểu về chèo.

Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng chèo có thể chứa đựng những câu chuyện vượt thời gian mang tính phê phán xã hội sâu sắc đến vậy. Đặc biệt, với tư cách là một người phụ nữ, dù các vở diễn đã được cải biên vào thế kỷ XX, nhưng tôi vẫn vô cùng bất ngờ khi chứng kiến những nghệ sĩ dám phơi bày hiện thực khốc liệt của đời sống phụ nữ Việt Nam và lên tiếng bày tỏ sự thông cảm cho những bất công mà họ phải chịu đựng, điều mà nhiều lúc xã hội hiện đại vẫn không thể làm. Những tư tưởng tiến bộ như quyền tự do tình dục, vốn còn xa lạ với ngay cả những quốc gia phương Tây thời bấy giờ, đã được thể hiện đầy táo bạo qua những hình tượng nhân vật nữ lệch, tiêu biểu nhất là Thị Mầu. Và ngay cả khi nhiều thế kỷ đã trôi qua, tôi vẫn thấy thấp thoáng hình ảnh của bản thân, và những người phụ nữ xung quanh tôi trong những nhân vật như Thị Kính hay Suý Vân, một minh chứng cho những giá trị vượt thời gian của sân khấu chèo.

Hơn nữa, sau khi xem những vở chèo cổ, tôi thực sự khâm phục những người nghệ sĩ đã can đảm viết nên những vở diễn mang đậm tinh thần phản kháng và phê phán chính quyền đương thời cũng như một xã hội loạn lạc, trong bối cảnh mà mỗi hành động nhỏ bị xem là chống đối chính quyền cũng có thể đẩy họ vào nguy hiểm. Thế nhưng điều thú vị nhất là những người nghệ sĩ ấy đã khéo léo giấu nhem những mũi dao chỉ trích ấy dưới những miếng hài tưởng chừng như vô hại cùng những lời thoại không chỉ dừng ở nghĩa trên mặt chữ. Từ đó, họ đã thành công lên án

ngầm một chế độ mục ruỗng cũng như bày tỏ sự chán ghét với một xã hội đã thối nát đến cùng cực. Tôi tin rằng, trong xã hội thời bấy giờ, chính những tiếng nói phản kháng dai dẳng ấy đã thấp lên và nuôi dưỡng ngọn lửa đấu tranh trong lòng nhân dân, tiếp thêm sức mạnh để dân ta thoát khỏi ách thống trị của bộ máy nhà nước suy đồi ấy. Chính người nghệ sĩ, bằng sự sáng tạo, “liều lĩnh” cùng khả năng nhìn xa, trông rộng đã góp phần quan trọng vào việc định hình sự thay đổi chính trị văn hóa xã hội đương đại của đất nước.

Qua những vở chèo, tôi đã học được nhiều bài học là sự đúc kết qua hàng nghìn năm từ người xưa. Thị Kính mang đến cho tôi một cách nhìn đời mới, cách sẵn sàng đón nhận mọi điều mà cuộc sống mang đến một cách bình thản. Nàng Thị Phương cho tôi thấy sức mạnh của tình nghĩa, rằng trên đời này vẫn có những người sẵn sàng hi sinh lợi ích cá nhân vì người khác. Lưu Bình và Dương Lễ dạy tôi cách đối nhân xử thế, cách chúng ta nên nhìn nhau như những tấm gương phản chiếu để học hỏi và hoàn thiện bản thân. Chèo nhắc nhở tôi giữ vững những giá trị thực sự quan trọng giữa trong thế giới ngày hôm nay, nơi sợi dây kết nối giữa mỗi chúng ta đang trở nên ngày càng mỏng manh, nơi những lợi ích, tư thù cá nhân thường được đặt lên hàng đầu, còn tình nghĩa và những mối

quan hệ bị đẩy xuống thứ yếu. Nhờ chèo, theo một cách nào đó, tôi cảm thấy bản thân mình trở nên “con người” hơn rất nhiều.

Hơn nữa, những nhân vật trong từng vở diễn là những người đã chứng kiến mọi lịch sử đã và đang thay đổi của đất nước, những người mang trong mình sứ mệnh gìn giữ những giá trị cốt lõi của người Việt. Khắc sâu trong từng nốt nhạc, từng câu hát là cuộc sống của những đồng bào đã sống hàng ngàn năm về trước. Xuyên suốt dòng chảy của nhiều thế kỷ, những câu chuyện vượt thời gian về tình yêu, phản bội, và đoàn tụ vang vọng mạnh mẽ ý thức văn hoá của một dân tộc đã trải qua 4000 năm lịch sử một cách tự hào. Luôn luôn là như vậy, sân khấu chèo đã và đang kết nối hàng ngàn thế hệ người Việt đang chảy trong người chung một dòng máu văn hoá. Các nhân vật trong từng vở diễn là hiện thân cho những ký ức chung của dân tộc ta, những điều bất biến mà dù thời gian có trôi, thế giới có đổi thay, vẫn tiếp tục là một tấm gương soi chiếu để mọi thế hệ sau này đều có thể trả lời câu hỏi: “Thế nào là người Việt Nam?” Vậy nên người trẻ, hãy khoác lên mình tấm áo văn hoá truyền thống, mang theo hơi thở của các thế hệ cha ông đi trước, để bất kể dù đi xa đến đâu, ta vẫn nhận ra con đường trở về nhà, trở về với chính bản thân ta.

\* *Thạc sĩ, Giảng viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.*

\* *Học sinh lớp 12, Trường Phổ thông liên cấp DEWEY Tây Hồ Tây, Hà Nội.*

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Bảng, *Đạo diễn chèo*, NXB. Sân khấu, Hà Nội, 2007.
2. Trần Việt Ngữ, *Về nghệ thuật Chèo*, NXB. Sân Khấu, Hà Nội, 2013.
3. Nguyễn Thị Tuyết (2000), *Giáo trình hát Chèo*, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, 2000.
4. Trần Vinh, *Nhạc Chèo*, NXB. Sân Khấu, Hà Nội, 2011.

Ngày tòa soạn nhận được bài: 3/9/2025; Ngày nhận xét, phản biện: 12/9/2025

Ngày chấp nhận đăng: 15/9/2025; Ngày đăng: 25/9/2025